TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LONG THÀNH** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 32/2018/HNGĐ-ST.
Ngày: 30/3/2018.
V/v: "*Tranh chấp ly hôn*".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG THÀNH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Ông Hùng Minh Sang.
Các Hội thẩm nhân dân:
Bà Nguyễn Thị Ngọc Đẹp.
Bà Lê Thị Ngọc Ánh.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Doãn Thị Hằng – Thư ký tòa án nhân dân huyện Long Thành.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành tham gia phiên tòa***: Bà Lê Thị Hồng Hà – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 3 năm 2018, tại Tòa án nhân dân huyện Long Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 753/2017/TLST-HNGĐ ngày 31/10/2017 về việc "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 27/02/2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 44/2018/QĐST-HNGĐ ngày 14/3/2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị ***Trương Thị C***, sinh năm: 1993.
Địa chỉ cư trú: xã T, huyện L, tỉnh Đồng Nai.
Bị đơn: Anh ***Nguyễn Văn T***, sinh năm: 1985.
Địa chỉ cư trú: xã T, huyện L, tỉnh Đồng Nai.
(chị C có mặt, anh T vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện đề ngày 23 tháng 10 năm 2017 và trong quá trình xét xử nguyên đơn chị Trương Thị C trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Giữa chị và anh T xây dựng gia đình vào năm 2013, có làm thủ tục đăng ký hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện L, tỉnh Đồng Nai do cả hai đều tự nguyện.

Sau khi kết hôn thời gian đầu vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc. Đến tháng 8/2014, vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn giữa Chị và anh T là do anh T không có trách nhiệm với gia đình, không

chịu làm để lo cho con, thường xuyên uống rượu say xỉn, bỏ nhà đi, kinh tế trong gia đình chỉ do một mình chị gánh vác. Chị và anh T đã sống ly thân từ khi phát sinh mâu thuẫn cho đến nay, chị về nhà mẹ chị để sống, còn anh T sống tại nhà anh. Trong thời gian sống ly thân giữa chị và anh T không có bàn bạc đoàn tụ gì.

Chị xác định tình cảm vợ chồng giữa chị và anh T không còn, chị yêu cầu được ly hôn với anh T.

- Về con chung: có 02 cháu.
Nguyễn Ánh N, sinh ngày: 14/7/2011.
Nguyễn Hải A, sinh ngày: 01/10/2013.
Hiện nay cháu A và cháu N chị là người đang trực tiếp nuôi dưỡng, nếu ly hôn chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu A và cháu N, chị nuôi con không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về T sản chung: Chị C trình bày không có. Nợ chung: Chị C trình bày không có.

Tại biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 20/11/2017, bị đơn anh Nguyễn Văn T có ý kiến đề nghị đối với yêu cầu của nguyên đơn như sau:

Giữa anh và chị C xây dựng gia đình năm 2013, có làm thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện L, tỉnh Đồng Nai, do cả hai đều tự nguyện. Giữa anh và chị C trong quá trình chung sống không có mâu thuẫn gì, anh vẫn yêu thương vợ con. Chị C xin ly hôn là do anh bị bệnh cột sống, bao tử, anh xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn, chị C yêu cầu ly hôn anh không đồng ý.

- Về con chung: có 02 cháu.
Nguyễn Ánh N, sinh ngày: 14/7/2011.
Nguyễn Hải A, sinh ngày: 01/10/2013.

Anh không đồng ý ly hôn với chị C nên không có việc ai sẽ nuôi con sau khi ly hôn, con chung sẽ cùng nhau nuôi.

- Về T sản chung: Anh T trình bày không có. Nợ chung anh T trình bày không có nợ chung.

Những nội dung các đương sự đã thống nhất, không thống nhất:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Trương Thị C yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Văn T, anh T không đồng ý ly hôn chị C.

Về con chung: Chị C yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Nguyễn Hải A, sinh ngày: 01/10/2013 và cháu Nguyễn Ánh N, sinh ngày: 14/7/2011, không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con. Anh T không đồng ý ly hôn nên không trình bày ý kiến về việc nuôi con chung.

Về T sản chung, nợ chung: Chị C và anh T đều trình bày không có.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử tiến hành tố tụng theo đúng quy định của pháp luật Tố tụng dân sự. Việc thu thập chứng cứ được thực hiện đầy đủ, khách quan, thời hạn tố tụng được bảo đảm, các quyết định được tống đạt hợp lệ, phiên tòa được thực hiện dân chủ, bình đẳng. Người tham gia tố tụng thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng, chấp hành tốt pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu tranh chấp ly hôn của chị Trương Thị C. Xử cho chị C được ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

Con chung: Giao hai cháu Nguyễn Hải A, sinh ngày: 01/10/2013 và cháu Nguyễn Ánh N, sinh ngày: 14/7/2011 cho chị C tiếp tục nuôi dưỡng, tạm thời anh T không phải cấp dưỡng nuôi con.

T sản chung, nợ chung: Các đương sự đều trình bày không có, nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về thẩm quyền: Tranh chấp phát sinh giữa chị Trương Thị C và anh Nguyễn Văn T là tranh chấp ly hôn, đây là tranh chấp về hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự và tranh chấp trên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tống đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 27/02/2018 và giấy triệu tập cho anh T ngày 27/02/2018, nhưng anh T vắng mặt không có lý do, Tòa án ra quyết định hoãn phiên tòa số 44/2018/QĐST-HNGĐ ngày 14/3/2018. Ngày 15/3/2018, Tòa án tống đạt quyết định hoãn phiên tòa cho anh T, tại phiên tòa không khai hôm nay anh T vẫn vắng mặt không có lý do, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh T.

Về nội dung vụ án: Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ hôn nhân:

Chị C và anh T xây dựng gia đình với nhau năm 2013, có làm thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện L, tỉnh Đồng Nai theo Giấy chứng nhận kết hôn số 53, quyển số 01/2013 ngày 01/7/2013 do cả hai đều tự

nguyện nên là hôn nhân hợp pháp. Chị C yêu cầu ly hôn, chị C xác định vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn trầm trọng không thể hàn gắn đoàn tụ. Anh T cho rằng vợ chồng không có mâu thuẫn anh T không đồng ý ly hôn với chị C.

Căn cứ vào đơn xin xác nhận của chị C ghi ngày 09/11/2017 được Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã T xác nhận, hiện anh T và chị C không còn sống chung với nhau. Căn cứ vào đơn xin xác nhận ngày 02/01/2018 được Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã T thể hiện giữa chị C và anh T đã có phát sinh mâu thuẫn. Căn cứ vào biên bản xác minh của Tòa án ngày 03/01/2018 thể hiện anh T và chị C đã ly thân từ năm 2014 cho đến nay, anh T thường hay uống rượu.

Từ những chứng cứ như đã phân tích xét thấy mâu thuẫn giữa chị C và anh T đã trầm trọng không thể hàn gắn đoàn tụ, thời gian sống ly thân đã lâu nên cần xử cho chị C được ly hôn với anh T.

[2]. Về con chung: Có 02 cháu.

Nguyễn Ánh N, sinh ngày: 14/7/2011.
Nguyễn Hải A, sinh ngày: 01/10/2013.

Hiện chị C là người nuôi dưỡng hai cháu A và cháu Như từ năm 2014 đến nay, xét thời gian qua chị C nuôi dưỡng hai con tốt, anh T hiện đang bị bệnh không nuôi dưỡng các con, chị C có công việc làm và thu nhập ổn định. Xuất phát từ lợi ích về mọi mặt của cháu A và cháu N nên cần giao cháu A và cháu N cho chị C tiếp tục nuôi dưỡng sẽ tốt hơn, do chị C không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con, nên không buộc anh T phải cấp dưỡng nuôi con cho chị C.

[3]. Về T sản chung: Chị C và anh T đều trình bày không có T sản chung, nên không xem xét.

[4]. Nợ chung: Chị C và anh T đều trình bày không có, nên không xem xét.

[5]. Về án phí: Chị C phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

[6]. Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành là hoàn toàn phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình.

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu tranh chấp ly hôn của chị Trương Thị C. Xử cho chị C được ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

Về con chung: Chị C được quyền nuôi dưỡng cháu Nguyễn Hải A, sinh ngày: 01/10/2013 và cháu Nguyễn Ánh N, sinh ngày: 14/7/2011. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con. Anh T được quyền đến thăm con không ai được ngăn cản, khi cần thiết các đương sự được quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

T sản chung: Không xem xét.

Nợ chung: Không xem xét.

Về án phí: Chị C phải chịu 300.000đồng (ba trăm ngàn) án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đồng (ba trăm ngàn) theo các biên lai số 005018 ngày 25/10/2017 của Chi cụcThi hành án dân sự huyện Long Thành, chị C đã nộp đủ án phí.

Nguyên đơn chị C được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tròn kể từ ngày tuyên án. Bị đơn anh T vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tròn kể từ ngày tống đạt hợp lệ bản án.

***Nơi nhận*:**
- TAND T. Đồng Nai;
- VKSND H. Long Thành;
- THA DS H. Long Thành;
- UBND xã T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hùng Minh Sang